




	VinaCert	www.vinacert.vn director@vinacert.vn	
	QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CHỨNG NHẬN VIETGAP	V01-06	<i>Revision: 00</i>
		<i>Date of issue: 02/05/2016</i>	

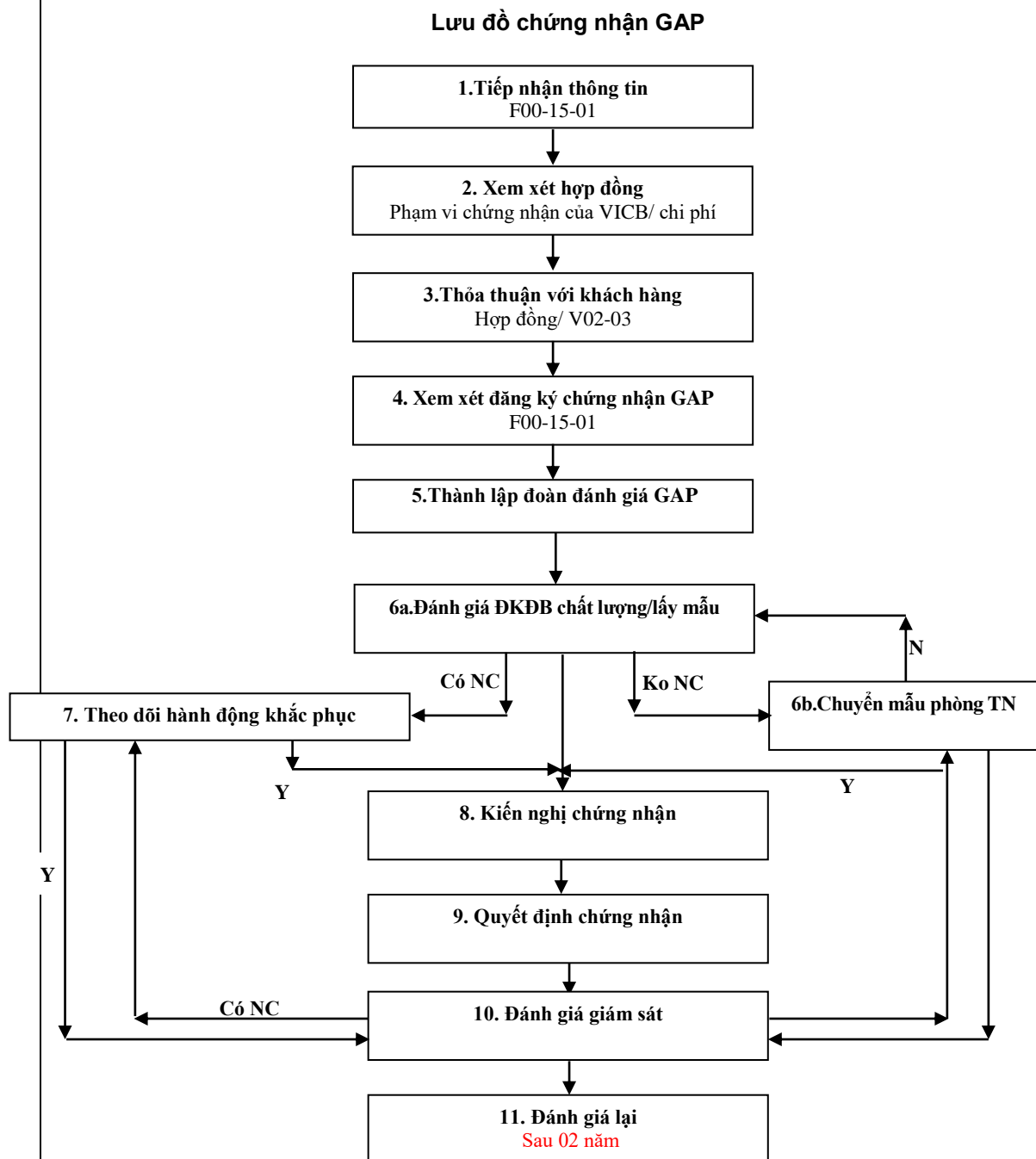
THEO DÕI HIỆU CHỈNH TÀI LIỆU/ *DOCUMENT REVISION LOG*

Ngày sửa đổi/ <i>Date of revision</i>	Tóm lược hiệu chỉnh/ <i>Revision summary</i>
02/05/2016	- Ban hành lại

Chức danh/ <i>Position</i>	Duyệt/<i>Approved by</i> Tổng giám đốc/ <i>Director General</i>	Soát xét/ <i>Checked by</i> Giám đốc chứng nhận/ <i>Certification Director</i>	Soạn/ <i>Compiled by</i> Trưởng phòng CN <i>Certification Department</i>
Ký tên/ <i>Signature</i>			
Họ và tên/ <i>Full name</i>	Nguyễn Hữu Dũng	Đặng Thị Hương	Nguyễn Quang Hưng

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN VIETGAP

1. Phạm vi áp dụng
<p>1.1. Tài liệu này quy định các nguyên tắc cơ bản của VinaCert (VICB) áp dụng trong quá trình đánh giá chứng nhận VietGAP trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản, trồng trọt và chăn nuôi.</p> <p>1.2. Tài liệu này được cung cấp công khai cho các khách hàng của VICB. Nhân viên PCN/KD và các chuyên gia đánh giá/chuyên gia kỹ thuật có trách nhiệm hiểu kỹ các quy định này.</p>
2. Thuật ngữ, định nghĩa
<p>2.1. Khách hàng: Tổ chức/cá nhân đề nghị VICB chứng nhận VietGAP</p> <p>2.2. Chứng nhận: Sự đánh giá xác nhận của VICB đối với hoạt động của khách hàng phù hợp với phạm vi của quy phạm VietGAP mà khách hàng đăng ký chứng nhận.</p> <p>2.3. Phạm vi: Bộ phận bao hàm các vấn đề sản xuất chung. Quy phạm VietGAP được phân loại thành các phạm vi Trồng trọt, Chăn nuôi và Nuôi trồng thủy sản.</p> <p>2.4. Chuyên gia đánh giá (CGDG): Người có năng lực để tiến hành một cuộc đánh giá VietGAP bao gồm cả đánh giá QMS</p> <p>2.5. Chuyên gia kỹ thuật (CGKT): Người cung cấp các kiến thức hay kinh nghiệm chuyên môn cụ thể cho đoàn đánh giá.</p> <p>2.6. VICB: Tổ chức chứng nhận VinaCert.</p> <p>2.7. Checklist: Bảng các tiêu chí đánh giá, bao gồm các tiêu chí đánh giá áp dụng cho quy trình sản xuất (Checklist GAP) và bảng các tiêu chí đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng (checklist QMS). Các tiêu chí A trong checklist GAP tương ứng mức chính yếu và tiêu chí B tương ứng với mức thứ yếu trong checklist QMS.</p> <p>2.8. Các từ viết tắt khác: Xem Sổ tay chất lượng</p>
2. Nguyên tắc hoạt động của VICB
<p>Đảm bảo sự độc lập, khách quan, công khai, không thiên vị, công khai trong hoạt động đánh giá chứng nhận GAP, bảo mật các thông tin của khách hàng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của mình.</p>
3. Quy trình chứng nhận GAP

3.1. Lưu đồ chứng nhận**3.2. Diễn giải lưu đồ:**

Bước 1 Tiếp xúc ban đầu: Khi nhận được yêu cầu chứng nhận GAP qua văn thư, e.mail, nhân viên P.KD tiến hành trao đổi với khách hàng để cung cấp thông tin trong phiếu đề nghị chứng nhận (F00-15-01).

Chú ý: tại bước này, khách hàng phải cung cấp đủ tài liệu đính kèm được liệt kê trong F00-15-01

Bước 2 Xem xét hợp đồng: Sau khi nhận được chính xác các thông tin ban đầu, P.KD có trách nhiệm: Xem xét khả năng đáp ứng yêu cầu của khách hàng (thời gian, diện tích, số manday);

Bước 3 Thỏa thuận với khách hàng: Nhân viên sale thỏa thuận chi phí đánh giá với khách hàng. Lưu ý thỏa thuận cả phí thử nghiệm mẫu;

Bước 4 Hoàn thiện đăng ký chứng nhận GAP: Trưởng PCN xem xét lại đăng ký chứng nhận GAP để khẳng định:

- VICB đủ năng lực cung cấp dịch vụ cho khách hàng;
- Nhu cầu sử dụng chuyên gia kỹ thuật.

<p>Trường PCN phê duyệt chương trình đánh giá</p> <p>Bước 5 Thành lập đoàn đánh giá: PCN kiến nghị Giám đốc quyết định thành lập đoàn đánh giá chứng nhận GAP. Khách hàng được quyền kiến nghị thay đổi thành phần đoàn đánh giá nếu có đủ bằng chứng về tiềm ẩn sự thiếu khách quan của đoàn đánh giá;</p> <p>Chú ý: Khi đánh giá chứng nhận: phân bón, thức ăn chăn nuôi, sản phẩm cây trồng, ... thì thành phần đoàn đánh giá phải có người lấy mẫu được chỉ định.</p> <p>Bước 6a Đánh giá GAP và lấy mẫu thử nghiệm: Đoàn đánh giá tiến hành đánh GAP theo: V00-15</p> <p>Bước 6b Chuyển mẫu phòng thử nghiệm: Đoàn đánh giá chuyển mẫu hoặc yêu cầu chuyển mẫu đến phòng thử nghiệm được phê duyệt để tiến hành thử nghiệm mẫu điển hình/đại diện.</p> <p>Khi yêu cầu khách hàng chuyển mẫu thì trường đoàn đánh giá phải thông báo ngay cho PCN biết để kết hợp theo dõi. Mẫu đến phòng thử nghiệm phải còn nguyên niêm phong của đoàn đánh giá và của khách hàng.</p> <p>Nếu kết quả thử nghiệm không đạt, VICB sẽ mở yêu cầu hành động khắc phục và tiến hành lấy mẫu lại để thử nghiệm cho đến khi đạt sau mỗi lần khách hàng khắc phục xong. Khách hàng phải thanh toán thêm phần chi phí này.</p> <p>Bước 7 Theo dõi hành động khắc phục: Nếu kết quả đánh giá phát hiện điểm không phù hợp cần khắc phục, hồ sơ đánh giá được chuyển về PCN theo dõi cho đến khi điểm không phù hợp đã phát hiện được khắc phục thỏa đáng.</p> <p>Bước 8 Kiến nghị chứng nhận: PCN thụ lý hồ sơ. Nếu hồ sơ đạt yêu cầu, PCN lập kiến nghị chứng nhận, dự thảo Quyết định chứng nhận và Chứng chỉ trình Giám đốc xem xét quyết định. Mẫu chứng chỉ Viet GAP theo F01-06-01</p> <p>Bước 9 Quyết định chứng nhận: Quyết định của Giám đốc là quyết định cuối cùng. Hiệu lực chứng chỉ là 2 năm.</p> <p>Bước 10 Đánh giá giám sát: Chu kỳ đánh giá giám sát được thể hiện trong chương trình đánh giá hoặc được điều chỉnh bởi trường đoàn đánh giá chứng nhận. Trước thời điểm đánh giá giám sát 25 ngày, PCN lập thông báo tới khách hàng (CC cho PHÒNG KINH DOANH để phối hợp) để xác định thời điểm đánh giá giám sát thích hợp. PCN kiến nghị Giám đốc thành lập đoàn đánh giá giám sát. Đoàn đánh giá giám sát tiến hành đánh giá giám sát hệ thống GAP của khách hàng, lấy mẫu và tiến hành các bước như 6a, 6b.</p> <p>Trường hợp khách hàng yêu cầu bổ sung phạm vi chứng nhận, hoạt động đánh giá chứng nhận được thực hiện như 1 cuộc đánh giá giám sát.</p> <p>Bước 11 Đánh giá lại: Sau thời gian chứng chỉ có hiệu lực 2 năm. Nếu khách hàng có nhu cầu duy trì chứng chỉ thì VICB tiến hành đánh giá lại. Các bước được thực hiện từ bước 3.</p>
<p>4. Chuẩn mực đánh giá bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảng checklist GAP theo phụ lục IX – Thông tư 48/2012/TT-BNNPTNT - Bảng checklist QMS do VICB xây dựng dựa trên checklist QMS của Global GAP <p>Khi có sự thay đổi hoặc bổ sung các chuẩn mực chứng nhận, VICB sẽ thông báo cho khách hàng về những chuẩn mực chứng nhận mới bằng cách thông báo trên website www.vinacert.vn đồng thời gửi email đến từng khách hàng liên quan. .</p>
<p>5. Phương thức đánh giá:</p> <p>Đánh giá quá trình sản xuất/sơ chế kết hợp thử nghiệm mẫu điển hình; giám sát thông qua đánh giá quá trình sản xuất/sơ chế kết hợp với thử nghiệm mẫu lấy tại nơi sản xuất/sơ chế.</p>
<p>6. Các quy định</p> <p>6.1 Các quy định chung</p>
<p>6.1.1 Yêu cầu đối với khách hàng:</p> <p>6.1.1.1 Mọi hoạt động kiểm tra, đánh giá, giám sát của VICB được thực hiện tại địa điểm của khách hàng, khách hàng có trách nhiệm:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Cử người đại diện chịu trách nhiệm liên lạc với VICB; b. Bố trí người dẫn đường thông thạo địa hình và am hiểu những quy định về an toàn lao động

của khách hàng cho đoàn đánh giá;

- c. Tạo điều kiện để đoàn đánh giá của VICB tiếp cận tất cả các điểm được đánh giá trong điều kiện làm việc bình thường và cung cấp những thông tin cần thiết cho VICB để hoàn thiện quá trình đánh giá;
- d. Thực hiện đầy đủ các quy định của VICB, đặc biệt về việc duy trì hệ thống, chấp nhận quyết định đình chỉ hoặc hủy bỏ chứng nhận theo quy định tại mục 6.5 tài liệu này.
- e. Thông báo kịp thời cho VICB khi có các thay đổi về thông tin đăng ký.
- f. Tuân thủ các Hợp đồng/ Thỏa thuận đã ký với VICB.

6.1.2 VICB cam kết:

6.1.2.1 Thực hiện việc đánh giá, chứng nhận theo đúng yêu cầu của ISO/IEC 17065:2012 và quy định của VietGAP.

6.1.2.2 Công bố danh sách các khách hàng được VICB chứng nhận VietGAP. trên website của VICB (<http://www.vinacert.vn>) (1 tháng cập nhật 1 lần)

6.1.2.3 Công khai bảng phí chứng nhận VietGAP

6.1.2.4 Mọi phàn nàn, khiếu nại của khách hàng được giải quyết theo quy trình giải quyết khiếu nại của VICB (xem V00-09).

6.1.2.5 Tuân thủ các nội quy, quy định của khách hàng tại điểm đánh giá;

6.1.2.6 Thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong hợp đồng đã ký với khách hàng.

6.1.2.7 Đảm bảo sự độc lập khách quan, công khai và không thiên vị:

- a. Thông qua chính sách sử dụng CGĐG của mình. Thành viên trong đoàn đánh giá:
 - i. không có mối quan hệ về tài chính với KH;
 - ii. không có mối quan hệ gia đình với các lãnh đạo chủ chốt của KH;
 - iii. không được thực hiện các hoạt động tư vấn, đào tạo cho các nhà sản xuất mà họ thực hiện kiểm tra. Đào tạo không được coi là tư vấn, khi kiến thức đào tạo liên quan đến hệ thống quản lý hoặc đánh giá bị giới hạn trong việc cung cấp các thông tin chung sẵn có đã được công khai; tức là đào tạo không cung cấp các giải pháp cụ thể cho công ty.
 - iv. Chuyên gia đánh giá, nhân viên kiểm tra không là người đưa ra quyết định chứng nhận cuối cùng liên quan đến các cuộc đánh giá hoặc kiểm tra mà bản thân họ đã tiến hành.
- b. Thông qua hoạt động của HDCN (V01-01). Các thành viên trong HDCN phải đảm bảo:
 - i. Đại diện được lợi ích cho tất cả các bên theo yêu cầu của **ISO/IEC 17021:2011**;
 - ii. Không chịu các áp lực về tài chính; công việc; tình cảm trong các quyết định của mình;
 - iii. Am hiểu luật pháp.
- c. Thông qua cam kết bảo mật của các phòng thử nghiệm độc lập.
- d. Công khai cho KH các thông tin về chuẩn mực chứng nhận, quy định về đánh giá và chứng nhận, thủ tục cấp, duy trì, đình chỉ, hủy bỏ chứng nhận.
- e. Công khai các tổ chức, cá nhân có liên quan tới hoạt động đánh giá chứng nhận GAP của VICB tiềm ẩn những mối nguy dẫn đến sự không công bằng và biện pháp phòng ngừa nhằm đảm bảo tính công bằng trong hoạt động đánh giá của VICB;
- f. Tạo điều kiện thuận lợi để khách hàng của VICB có điều kiện tham gia quyết định lựa chọn thành phần đoàn đánh giá nếu KH nhận thấy tiềm ẩn sự không công bằng trong hoạt động đánh giá chứng nhận của VICB bởi thành phần đoàn đánh giá.
- g. Cơ chế giám sát của Hội đồng chứng nhận trong quá trình đánh giá nhằm đảm bảo tính công bằng, VICB kiên quyết không sử dụng chuyên gia đánh giá không khai báo rõ ràng quan hệ của mình với khách hàng.
- h. Chuyên gia đánh giá/kiểm tra viên phải theo sát nghiêm ngặt các quy trình của nhà sản xuất và của VICB để duy trì tính độc lập về thông tin và hồ sơ.

6.2 Quyền lợi và nghĩa vụ của Khách hàng

6.2.1 Quyền của khách hàng:

- 6.2.1.1 Nhà sản xuất có quyền khiếu nại VICB bằng văn bản để phản đối các điểm không phù hợp mà VICB đưa ra.
- 6.2.1.2 Bảo lưu ý kiến nếu không đồng ý với kết quả đánh giá, giám sát của Đoàn đánh giá;
- 6.2.1.3 Sử dụng mã số chứng nhận VietGAP, logo VietGAP theo quy định của cơ quan có thẩm quyền hoặc logo hoặc dấu hiệu của VICB theo quy định của VICB;
- 6.2.1.4 Sản phẩm được sản xuất/ sơ chế phù hợp với VietGAP là căn cứ để cơ sở sản xuất công bố sản phẩm an toàn tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật.
- 6.2.1.5 Lựa chọn, thuê tổ chức, cá nhân tư vấn trong quá trình chuẩn bị, đăng ký, đánh giá chứng nhận VietGAP.

6.2.2 Nghĩa vụ của khách hàng:

- 6.2.2.1 Hoàn thiện thủ tục đăng ký trước cuộc đánh giá đầu tiên của VICB (V00-08-13). VICB chỉ đánh giá/kiểm tra sau khi Khách hàng được VICB chấp nhận đánh giá.
- 6.2.2.2 Ký hợp đồng giữa VICB và khách hàng
- 6.2.2.3 Trả đầy đủ các khoản phí liên quan
- 6.2.2.4 Nếu các dữ liệu đăng ký có sự thay đổi, khách hàng có trách nhiệm thông báo cho VICB kịp thời để VICB xử lý.
- 6.2.2.5 Đảm bảo và duy trì điều kiện sản xuất/sơ chế; đánh giá nội bộ đáp ứng yêu cầu của VietGAP;
- 6.2.2.6 Thực hiện VietGAP theo đúng phạm vi được chứng nhận. Khi có thay đổi ảnh hưởng đến thực hiện VietGAP phải thông báo ngay cho tổ chức chứng nhận để theo dõi, giám sát;
- 6.2.2.7 Có hành động khắc phục những điểm không phù hợp đúng thời hạn khi bị cảnh cáo hoặc đình chỉ hoặc hủy bỏ Giấy chứng nhận VietGAP;
- 6.2.2.8 Thể hiện các thông tin trung thực về sản phẩm được chứng nhận VietGAP trên nhãn hàng hóa và chịu trách nhiệm về sự phù hợp của các sản phẩm theo VietGAP.
- 6.2.2.9 Khi phát hiện lô sản phẩm không đảm bảo an toàn thực phẩm: phải tạm dừng phân phối lô sản phẩm, thu hồi sản phẩm nếu đã đưa ra lưu thông trên thị trường, điều tra xác định nguyên nhân gây mất an toàn thực phẩm và tiến hành biện pháp khắc phục đồng thời ghi chép trong hồ sơ. Trường hợp không khắc phục được nguy cơ gây mất an toàn phải thông báo cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sở tại và tổ chức chứng nhận để có biện pháp xử lý phù hợp.

6.3 Quy định về quyền và nghĩa vụ của VICB**Nghĩa vụ của VICB:**

- 6.3.1 Thực hiện hoạt động đánh giá, chứng nhận VietGAP theo đúng quy định tại Thông tư 48/2012/TT-BNNPTNT;
- 6.3.2 Bảo mật các thông tin, số liệu, kết quả đánh giá sự phù hợp trong quá trình thực hiện đánh giá, chứng nhận, trừ trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu hoặc có sự đồng ý bằng văn bản của khách hàng;
- 6.3.3 Bảo đảm tính khách quan và công bằng trong hoạt động chứng nhận VietGAP; Không thực hiện dịch vụ tư vấn VietGAP cho cơ sở sản xuất đã ký hợp đồng chứng nhận VietGAP;
- 6.3.4 Lưu hồ sơ khách hàng bao gồm đầy đủ các thông tin đăng ký theo quy định của VietGAP.
- 6.3.5 VICB ra quyết định chứng nhận trong vòng 28 ngày kể từ ngày khách hàng cung cấp đủ bằng chứng về việc đã thực hiện hành động khắc phục các điểm không phù hợp NC (nếu có) của cuộc đánh giá chính thức.
- 6.3.6 Trong trường hợp VICB không còn được chỉ định, VICB sẽ thông báo cho khách hàng để khách hàng hủy thỏa thuận chứng nhận đã ký với VICB và chuyển chứng chỉ còn hiệu lực cho một cơ quan chứng nhận khác.
- 6.3.7 Chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả chứng nhận VietGAP;
- 6.3.8 Báo cáo về cơ quan chỉ định và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nơi có hoạt động chứng nhận ngay sau khi cấp, cấp lại, giám sát, gia hạn, cảnh cáo, đình chỉ, hủy bỏ Giấy chứng

nhận VietGAP của cơ sở sản xuất để kịp thời cung cấp thông tin cho người tiêu dùng biết;

6.3.9 Báo cáo cơ quan chỉ định khi có thay đổi về: tư cách pháp nhân, cơ cấu tổ chức và lãnh đạo, chính sách, thủ tục, địa chỉ, điện thoại trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày có sự thay đổi.

6.3.10 Thông báo trên Website hoặc phương tiện thông tin đại chúng kết quả cấp, cấp lại, gia hạn, giám sát, cảnh cáo, đình chỉ, hủy bỏ Giấy chứng nhận VietGAP.

Quyền hạn của VICB

6.3.11 VICB chỉ tiến hành cuộc đánh giá khách hàng đầu tiên khi khách hàng đã hoàn thiện bước đăng ký với VICB. Đối với các khách hàng có chứng chỉ sắp hết hạn, PHÒNG KINH DOANH sẽ xác nhận lại qua điện thoại hoặc email việc đăng ký của nhà sản xuất 3 tháng trước ngày hết hạn.

6.3.12 VICB thực hiện các hoạt động cấp, cấp lại, gia hạn, cảnh cáo, đình chỉ hoặc hủy bỏ Giấy chứng nhận VietGAP theo quy định tại Thông tư 48/2012/TT-BNNPTNT.

6.3.13 Giám sát việc thực hiện Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt của cơ sở sản xuất được cấp Giấy chứng nhận VietGAP trong phạm vi chứng nhận.

6.4 Quy định về đánh giá nội bộ

6.4.1 Ít nhất mỗi năm một lần, nhà sản xuất phải tiến hành tự đánh giá/ đánh giá nội bộ một lần.

6.4.2 Quá trình đánh giá nội bộ phải hoàn thiện trước đợt kiểm tra chứng nhận và kiểm tra giám sát. Chuyên gia đánh giá nội bộ sử dụng bảng checklist QMS (nếu áp dụng QMS) và checklist GAP của các phạm vi tương ứng để tiến hành tự đánh giá. Kết quả đánh giá nội bộ phải được lưu lại và sẵn có tài liệu cho VICB kiểm tra.

6.4.3 Trong bảng checklist (bao gồm cả checklist áp dụng cho quy trình sản xuất và checklist QMS), chuyên gia đánh giá nội bộ:

- Phải ghi rõ nhận xét và các phát hiện đánh giá tích cực. Nghĩa là nêu rõ lý do Không áp dụng đối với các điểm kiểm soát chính yếu và Thứ yếu; đối với các điểm Kiểm soát Kiến nghị, chuyên gia đánh giá nội bộ sẽ ghi là áp dụng hay không áp dụng N/A mà không cần lý do).
- Phải mô tả bằng chứng phù hợp các điểm kiểm soát Chính yếu; đối với các điểm kiểm soát Thứ yếu và Kiến nghị, kiểm tra viên chỉ cần ghi lại là đạt hay không đạt. Kiểm tra viên phải đưa ra ý kiến tại sao các điểm kiểm soát Chính yếu và thứ yếu không đạt và các hành động khắc phục cần thực hiện.
- không cần ghi nhận xét đối với các điểm kiểm soát Kiến nghị.

6.5 Quy định về chế tài xử phạt

- Khi phát hiện ra khách hàng không còn đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn nữa, chuyên gia đánh giá sẽ lập báo cáo lên VICB và báo cáo chi tiết cho khách hàng đã được chứng nhận về sự không phù hợp được phát hiện trong quá trình đánh giá.
- Trong trường hợp sự không phù hợp không được giải quyết trong thời gian quy định, VICB sẽ ban hành lệnh xử phạt.
- Chế tài xử phạt sẽ tăng dần theo các mức như sau:

6.5.1 Cảnh cáo và yêu cầu hành động khắc phục:

6.5.1.1 Cảnh cáo từ VICB: Cảnh cáo và yêu cầu hành động khắc phục sẽ được VICB đưa ra cho khách hàng khi VICB phát hiện bất cứ điểm không phù hợp theo yêu cầu của VietGAP. Phòng Chứng nhận của VICB sẽ thông báo tới khách hàng bằng văn bản về việc cảnh cáo về sự không phù hợp này ngay sau khi hoàn thành đợt kiểm tra. Cơ sở sản xuất phải báo cáo bằng văn bản về tổ chức chứng nhận sau khi khắc phục điểm không phù hợp.

a. Đánh giá chứng nhận: Nhà sản xuất có thời gian 3 tháng kể từ ngày tiến hành chứng nhận để thực hiện hành động khắc phục;

b. Lần đánh giá giám sát: Nhà sản xuất có thời gian 28 ngày kể từ ngày tiến hành giám sát để thực hiện hành động khắc phục;

6.5.1.2 Cảnh báo từ bên ngoài:

Khi có thông báo của cơ quan thanh tra, kiểm tra về việc vi phạm của cơ sở sản xuất, **VinaCert** sẽ tiến hành:

- Thẩm tra và đưa ra quyết định xử lý theo quy định trong vòng 05 ngày kể từ khi nhận được thông báo.

- Thông báo cho cơ quan thanh tra, kiểm tra về quyết định xử lý của **VinaCert -Control**.

6.5.2 Đình chỉ chứng nhận:

6.5.2.1. Quyết định đình chỉ được VICB đưa ra cho khách hàng trong các trường hợp sau:

- Trong thời hạn cảnh báo (tối đa là 3 tháng đối với đánh giá ban đầu và 28 ngày đối với lần kiểm tra tiếp theo), khách hàng vẫn chưa cung cấp được bằng chứng thỏa đáng về (các) hành động khắc phục được thực hiện.
- Thời hạn để khắc phục điểm không phù hợp không quá 06 (tháng) tháng kể từ thời điểm Quyết định đình chỉ có hiệu lực.
- Khách hàng yêu cầu đình chỉ giấy chứng nhận cần gửi văn bản về **VinaCert** nêu nguyên nhân thỏa đáng. Căn cứ vào yêu cầu của khách hàng trong vòng 05 ngày làm việc **VinaCert -Control** sẽ xem xét để đưa ra quyết định đình chỉ giấy chứng nhận. Thời gian đình chỉ tối đa không quá 03 tháng.

6.5.2.2. VICB có quyền đình chỉ một số sản phẩm nhất định hoặc toàn bộ sản phẩm của phạm vi sản phẩm đã được chứng nhận.

Ghi chú: Một sản phẩm không thể bị đình chỉ một phần, nghĩa là toàn bộ sản phẩm đó phải bị đình chỉ.

6.5.2.3 Thời gian đình chỉ tối đa kéo dài đến đợt đánh giá lại tiếp theo.

6.5.2.4 Quyết định hủy đình chỉ sẽ được VICB đưa ra khi khách hàng cung cấp đủ bằng chứng về các hành động khắc phục được thực hiện trong thời hạn đình chỉ (03 (ba) tháng).

Việc đình chỉ sẽ dẫn đến việc nghiêm cấm (các sản phẩm và khu vực sản xuất) sử dụng logo/thương hiệu, giấy chứng nhận VietGAP hoặc bất kỳ vật liệu hay văn bản nào có liên quan đến VietGAP.

6.5.3. Hủy bỏ:

Giấy chứng nhận VietGAP bị hủy bỏ trong trường hợp sau đây:

- Không có hành động khắc phục điểm không phù hợp đúng thời hạn sau khi bị đình chỉ chứng nhận VietGAP;
- Xin hoãn giám sát của tổ chức chứng nhận 02 (hai) lần liên tiếp không có lý do chính đáng;
- Sử dụng logo VietGAP, logo hoặc dấu hiệu của tổ chức chứng nhận không đúng với quy định của cơ quan có thẩm quyền hoặc nội dung văn bản ủy quyền của tổ chức chứng nhận;
- Trong thời gian thực hiện các hành động khắc phục kể từ ngày Quyết định hủy bỏ Giấy chứng nhận VietGAP có hiệu lực cơ sở sản xuất không được đăng ký chứng nhận VietGAP. Sau khi khắc phục xong muốn chứng nhận VietGAP thì phải đăng ký lại.
- VICB sẽ thông báo cho cơ quan kiểm tra, thanh tra ngay sau khi ký quyết định xử lý trường hợp vi phạm của cơ sở sản xuất do cơ quan kiểm tra, thanh tra phát hiện và yêu cầu xử lý.
- Khách hàng đề nghị hủy bỏ, không duy trì giấy chứng nhận.

6.5.4. Hủy xử phạt

VICB sẽ hủy bỏ chế tài xử phạt (dựa theo bằng chứng thỏa đáng và đúng sự không phù hợp) nếu nhà sản xuất thông báo cho VICB rằng sự không phù hợp đã được giải quyết trước thời hạn.

6.6 Quy định về sử dụng logo và nhãn hiệu VietGAP

6.6.1 Sản phẩm đã được VICB chứng nhận VietGAP có quyền sử dụng logo của VICB kèm theo ký hiệu của tiêu chuẩn tương ứng như hình dưới đây.



6.6.2 Khách hàng được chứng nhận được sử dụng dấu hiệu nhận biết trên để tuyên truyền, quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng và trên các tài liệu giới thiệu, tài liệu giao dịch thương mại của Khách hàng;

6.6.3 Khách hàng chỉ được sử dụng dấu hiệu nhận biết trên đối với sản phẩm đã được chứng nhận;

6.6.4 Mã số VietGAP của khách hàng được quy định như sau:

- VietGAP chăn nuôi: VietGAP-CN- xx-yy-zz-dddd;
- VietGAP trồng trọt: VietGAP-TT-xx-yy-zz-dddd;
- VietGAP thủy sản: VietGAP-TS-xx-yy-zz-dddd;

Trong đó:

+ xx-yy: Mã số gắn với mã số của tổ chức chứng nhận Cục trồng trọt; Tổng Cục thủy sản cấp cho **VinaCert**.

+ zz: Mã số địa phương nơi đơn vị đăng ký cấp chứng nhận hoạt động theo Phụ lục 1 của Quy định này

+ dddd: Mã số của đơn vị đăng ký chứng nhận được cấp theo thứ tự từng tỉnh.

Khi các cơ quan chức năng có hướng dẫn cấp giấy chứng nhận VietGAP tự động (trên trang Web) thì cấp số theo hướng dẫn của cơ quan chức năng đó.

Nếu VICB chứng nhận VietGAP cho một vùng nuôi/trồng có nhiều chủ sở hữu (hộ nuôi/trồng) và tất cả các hộ nuôi/trồng đều áp dụng VietGAP thì VICB sẽ chỉ cấp một mã số chứng nhận VietGAP, kèm theo danh sách tất cả các hộ trong vùng nuôi/trồng đó.

- Nếu chứng nhận VietGAP cho một cơ sở sản xuất có nhiều vùng nuôi/trồng ở nhiều địa điểm khác nhau và tất cả các vùng nuôi/trồng hoặc chỉ có một số vùng nuôi/trồng của cơ sở sản xuất này được chứng nhận VietGAP thì VICB sẽ chỉ cấp một mã số chứng nhận VietGAP, kèm theo danh sách tất cả các vùng nuôi/trồng được chứng nhận VietGAP của cơ sở đó.

- Riêng đối với lĩnh vực Thủy sản nếu một cơ sở có nhiều vùng nuôi tại các địa điểm khác nhau và cơ sở đó chỉ đăng ký chứng nhận VietGAP cho một hoặc một số vùng nuôi mà không đăng ký cho toàn bộ các vùng nuôi thì VICB thực hiện như sau:

+ VICB chỉ cấp một mã số chính chứng nhận VietGAP cho cơ sở, kèm theo danh sách tất cả các vùng nuôi/trồng được chứng nhận VietGAP của cơ sở đó (Mẫu Danh sách kèm theo).

+ Danh sách kèm theo nêu trên sẽ bao gồm tất cả các vùng nuôi thuộc sở hữu của cơ sở, các vùng nuôi đã được chứng nhận VietGAP và chưa được chứng nhận VietGAP; các vùng nuôi của cơ sở sẽ gắn thêm các mã số phụ để nhận diện theo quy định của VICB để phục vụ mục đích quản lý, truy xuất nguồn gốc sản phẩm (các mã số phụ này sẽ được yêu cầu thể hiện trên hồ sơ, sổ sách, nhật ký ghi chép của từng vùng nuôi), cụ thể như sau:

- Mã số phụ được thể hiện trong phụ lục quyết định cấp chứng nhận là: VietGAP-TS-xx-yy-aa-dddd + số thứ tự các vùng nuôi.

Ví dụ một cơ sở có 05 vùng nuôi, mà chỉ có 03 vùng được chứng nhận VietGAP, 02 vùng nuôi không được chứng nhận VietGAP thì cấp mã số phụ cho cả 05 vùng: VietGAP-TS-xx-yy-aa-dddd – 01; VietGAP-TS-xx-yy-aa-dddd – 02; VietGAP-TS-xx-yy-aa-dddd – 03; VietGAP-TS-xx-yy-aa-dddd – 04;

- Mã số VietGAP sẽ được cấp tự động trên website của các cơ quan quản lý:

Tổng cục Thủy sản <http://vietgap.tongcucthuysan.gov.vn>

Cục Chăn nuôi <http://vietgap.cucchannuoi.gov.vn>

Cục Trồng trọt <http://vietgap.gov.vn/>.

Các bước thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chủ quản

6.7 Duy trì chứng nhận

6.7.1 Khách hàng được chứng nhận phải duy trì việc đảm bảo chất lượng sản phẩm và duy trì việc chứng nhận trong suốt thời gian hiệu lực của chứng chỉ;

6.7.2 Trong thời gian hiệu lực của chứng chỉ, VICB tiến hành đánh giá giám sát nhằm xác nhận việc duy trì chất lượng sản phẩm của khách hàng. Việc đánh giá giám sát được tiến hành cùng với việc lấy mẫu điển hình/đại diện để đánh giá chất lượng sản phẩm. Chi phí thử nghiệm do khách hàng chi trả cho VICB. Trường hợp đặc biệt, trường đoàn đánh giá có thể xác định thời điểm đánh giá giám sát gần nhất mà không phụ thuộc vào hợp đồng đã thỏa thuận.

6.7.3 Trong thời gian hiệu lực của chứng nhận VietGAP mà khách hàng được chứng nhận có những thay đổi lớn về: quyền sở hữu; địa điểm; cơ cấu tổ chức; đại diện lãnh đạo; mở rộng/thu hẹp vùng nuôi trồng, sản lượng (trên 20%) hoặc phạm vi sản xuất; các nguồn lực khác có tác động quan trọng đến chất lượng sản phẩm và cập nhật quy phạm VietGAP thì phải thông báo kịp thời bằng văn bản cho VICB để VICB tiến hành đánh giá mở rộng/thu hẹp phạm vi chứng nhận. Tùy mức độ thay đổi, VICB sẽ thỏa thuận với khách hàng về việc đánh giá giám sát bổ sung. Mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc đánh giá giám sát bổ sung sẽ do khách hàng chi trả.

6.7.4 Giấy chứng nhận VietGAP được gia hạn tối đa 03 tháng đối với trường hợp cơ sở sản xuất không tiếp tục đăng ký cấp lại giấy chứng nhận.

6.7.5 Cấp lại chứng chỉ: Sau 02 năm hiệu lực của chứng nhận VietGAP, VICB tiến hành đánh giá lại như lần đầu và cấp chứng nhận phù hợp quy phạm thực hành VietGAP có hiệu lực 02 năm tiếp theo. Chi phí cho đánh giá lại được thỏa thuận lại vào thời điểm đánh giá lại

6.8 Quy định về bồi thường trách nhiệm và khiếu nại

6.8.1 Nếu trong quá trình đánh giá chứng nhận, khách hàng được chứng nhận đưa ra bằng chứng về việc VICB gây ra thiệt hại cho khách hàng và đề nghị bồi thường, VICB sẽ xem xét bồi thường cho thiệt hại đó, giá trị bồi thường sẽ được VICB thỏa thuận chi tiết với khách hàng. Trong trường hợp hai bên không thỏa thuận được với nhau về giá trị bồi thường thì đưa ra trọng tài kinh tế giải quyết;

6.8.2 Khách hàng có thể khiếu nại các hoạt động liên quan đến quá trình đánh giá, chứng nhận của VICB. VICB sẽ xem xét, giải quyết khiếu nại của Khách hàng. Nếu khách hàng không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của VICB thì khách hàng có quyền yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

6.8.3 Không bên nào phải chịu trách nhiệm bồi hoàn cho nhau nếu có những yếu tố khách quan xảy ra nằm ngoài tầm kiểm soát của hai bên nhưng phải thông báo cho nhau về các sự kiện này bằng fax, hay thư tín trong vòng 5 ngày kể từ ngày diễn ra.

6.9 Các khoản chi phí

6.9.1 VICB công khai bảng phí cho chương trình chứng nhận VietGAP trên website của VICB . Bảng phí VICB xây dựng bao gồm các phí cố định nhưng không bao gồm các phí không cố định như đi lại, ăn ở....

6.9.2 Khoản phí chính xác cho hoạt động đánh giá, chứng nhận được xác định trong Hợp đồng. Khách hàng không phải trả bất kì khoản chi phí nào khác cho VICB trừ chi phí cho đánh giá bổ sung.

6.9.3 Khi cần phải thẩm tra hành động khắc phục của khách hàng tại điểm được đánh giá, các chi phí đi lại, lưu trú cho chuyên gia đánh giá của VICB do khách hàng chi trả.

6.9.4 VICB phát hành hóa đơn tài chính cho toàn bộ chi phí đánh giá, chứng nhận của VICB. Việc chậm thanh toán sau 30 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn, bên Khách hàng phải chịu lãi suất 1,5% /tháng cho phần giá trị chậm thanh toán.

Phụ lục 1 Mã số địa phương

TT	Tên tỉnh	Mã vùng	TT	Tên tỉnh	Mã vùng
1.	An Giang	89	33	Kon Tum	62
2.	Bạc Liêu	95	34	Lai Châu	12
3.	Bà Rịa - Vũng Tàu	77	35	Lạng Sơn	20
4.	Bắc Cạn	06	36	Lào Cai	10
5.	Bắc Giang	24	37	Lâm Đồng	68
6.	Bắc Ninh	27	38	Long An	80
7.	Bến Tre	83	39	Nam Định	36
8.	Bình Dương	74	40	Nghệ An	40
9.	Bình Định	52	41	Ninh Bình	37
10.	Bình Phước	70	42	Ninh Thuận	58
11.	Bình Thuận	60	43	Phú Thọ	25
12.	Cao Bằng	04	44	Phú Yên	54
13.	Cà Mau	96	45	Quảng Bình	44
14.	Cần Thơ	92	46	Quảng Nam	49
15.	Đà Nẵng	48	47	Quảng Ngãi	51
16.	Đắk Lắk	66	48	Quảng Ninh	22
17.	Đắk Nông	67	49	Quảng Trị	45
18.	Đồng Nai	75	50	Sóc Trăng	94
19.	Đồng Tháp	87	51	Sơn La	14
20.	Điện Biên	11	52	Tây Ninh	72
21.	Gia Lai	64	53	Thái Bình	34
22.	Hà Giang	02	54	Thái Nguyên	19
23.	Hà Nam	35	55	Thanh Hóa	38
24.	Hà Nội	01	56	TP.Hồ Chí Minh	79
25.	Hà Tĩnh	42	57	Thừa Thiên Huế	46
26.	Hải Dương	30	58	Tiền Giang	82
27.	Hải Phòng	31	59	Trà Vinh	84
28.	Hậu Giang	93	60	Tuyên Quang	08
29.	Hòa Bình	17	61	Vĩnh Long	86
30.	Hưng Yên	33	62	Vĩnh Phúc	26
31.	Khánh Hòa	56	63	Yên Bái	15
32.	Kiên Giang	91			

-----End-----